

Số: 24/2019/QĐST-HNGĐ

H, ngày 22 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 39/2020/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020, giữa:

Người yêu cầu: **Anh Bùi Công A** sinh năm 198x

Và Chị Sầm Thị B sinh năm 198x

HKTT: Tổ x Phường S, thành phố C, tỉnh C.

Trú tại: Số 7x ngõ 20x đường G, phường Đ, quận H, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 2 Điều 149 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Khoản 1 Điều 36, Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Bùi Công A - sinh năm 1988

Chị Sầm Thị B - sinh năm 1982

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Anh A và chị B cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nhất trí cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung:

Hai bên xác nhận có 01 con chung:

Cháu Bùi Công Duy T, sinh năm 201x.

Hiện tại sức khỏe con chung bình thường, phát triển tốt.

Khi ly hôn chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh A có quyền qua lại, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thống nhất, anh A thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/ tháng (hai triệu đồng) kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản và nhà ở chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xét.

2.5. Về nợ chung: Hai bên xác nhận không vay nợ ai, cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xét

2.6. Về lệ phí: Anh A tự nguyện chịu toàn bộ là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/000xxxx ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân quận H;
 - Chi cục thi hành án nhân dân quận H;
 - UBND xã Q, huyện Q, tỉnh T;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 5x/201x, quyền số 0x/201x năm 201x)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM XUÂN THỦY